

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829803] - Thí nghiệm đo lường  
điện và khí cụ điện (CCQ2433C)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 18..

Số bài thi: .....18..

Số tờ giấy thi: 18..

*Handwritten signatures and names:*  
Mai Văn Lê, ng. T. Thanh, Mai Văn Lê, ng. T. Thanh

| STT | Mã SV      | Họ và Tên       | Ngày sinh | Mã lớp     | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-----------------|-----------|------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2124330089 | Hán Vương Quốc  | Anh       | 25/06/2006 | CCQ2433A    | Anh       | 5,6        | 6,0         | 5,8     |
| 2   | 2124330091 | Lê Tài          | Anh       | 27/12/2005 | CCQ2433A    | Anh       | 7,0        | 7,0         | 7,0     |
| 3   | 2124260086 | Lý Hoàng        | Anh       | 06/08/2006 | CCQ2433A    | Anh       | 7,9        | 8,5         | 8,3     |
| 4   | 2124330103 | Phạm Hồng       | Anh       | 17/12/2006 | CCQ2433A    | Anh       | 6,4        | 6,5         | 6,5     |
| 5   | 2124330090 | Bùi Trường      | Giang     | 17/02/2006 | CCQ2433A    | Giang     | 6,0        | 6,0         | 6,0     |
| 6   | 2124330106 | Nguyễn Nhật     | Hào       | 26/04/2003 | CCQ2433A    |           |            |             |         |
| 7   | 2124330110 | Vũ Văn          | Hợp       | 09/10/1999 | CCQ2433A    | Hợp       | 8,1        | 9,0         | 8,6     |
| 8   | 2124330086 | Vũ Văn          | Huy       | 09/05/2006 | CCQ2433A    |           |            |             |         |
| 9   | 2124330107 | Nguyễn Hữu Quốc | Luân      | 09/09/2006 | CCQ2433A    | Quốc      | 6,6        | 7,0         | 6,8     |
| 10  | 2124330105 | Cao Quốc        | Minh      | 22/09/2006 | CCQ2433B    | Mb        | 7,9        | 8,0         | 8,0     |
| 11  | 2124330099 | Patâuxá         | Minh      | 01/10/2005 | CCQ2433B    | Mb        | 7,4        | 8,0         | 7,8     |
| 12  | 2124330087 | Trương Văn      | Nhiều     | 16/10/2005 | CCQ2433B    | Nhiều     | 8,0        | 8,5         | 8,3     |
| 13  | 2124330082 | Trần Văn        | Pháp      | 25/01/2006 | CCQ2433B    | Pháp      | 8,2        | 8,5         | 8,4     |
| 14  | 2124330095 | Nguyễn Hồng     | Phúc      | 04/07/2006 | CCQ2433B    | Phúc      | 9,2        | 9,0         | 9,1     |
| 15  | 2124330084 | Nguyễn Quang    | Quân      | 04/12/2006 | CCQ2433B    | Quang     | 7,7        | 8,0         | 7,9     |
| 16  | 2124330081 | Nguyễn Hải      | Quốc      | 15/10/2006 | CCQ2433B    | Quốc      | 5,9        | 6,0         | 6,0     |
| 17  | 2124330108 | Lê Tứ           | Quý       | 15/10/2003 | CCQ2433B    |           |            |             |         |
| 18  | 2124330088 | Trần Văn        | Quý       | 02/08/2006 | CCQ2433B    | Vu        | 7,7        | 8,0         | 7,9     |
| 19  | 2124330094 | Phan Thanh      | Tín       | 02/03/2005 | CCQ2433B    |           |            |             |         |
| 20  | 2124330092 | Phạm Minh       | Trí       | 25/06/2006 | CCQ2433B    | Trí       | 8,7        | 9,0         | 8,9     |
| 21  | 2124330093 | Phan Đình       | Trường    | 16/04/2006 | CCQ2433B    | Đình      | 5,3        | 6,0         | 5,7     |
| 22  | 2124330083 | Huỳnh Văn       | Vinh      | 08/03/2006 | CCQ2433B    | Vinh      | 6,4        | 6,5         | 6,5     |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22829807] - Thí nghiệm đo lường  
điện và khí cụ điện (CCQ2305D)

CBGD: Mai Văn Lê (280013)

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Handwritten signature: Mai Văn Lê

Handwritten signature: ng. T. Thanh

Handwritten signature: Mai Văn Lê

Handwritten signature: ng. T. Thanh

| STT | Mã SV      | Họ và Tên             | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số Tờ Mã Đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-----------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2123050181 | Đỗ Phạm Nhật An       | 04/05/2005 | CCQ2305D |             |           | 6.4        | 7.0         | 6.8     |
| 2   | 2123050142 | Đỗ Thanh Cao          | 22/06/2005 | CCQ2305D |             |           | 6.1        | 6.5         | 6.3     |
| 3   | 2123050171 | Não Văn Diên          | 02/05/2005 | CCQ2305D |             |           | 5.6        | 6.0         | 5.8     |
| 4   | 2123050217 | Bùi Quốc Duy          | 06/01/2004 | CCQ2305D |             |           | 7.2        | 7.5         | 7.4     |
| 5   | 2123050167 | Đặng Đức Duy          | 08/11/2005 | CCQ2305D |             |           | 7.0        | 7.5         | 7.3     |
| 6   | 2123050140 | Nguyễn Phạm Mạnh      | 30/09/2005 | CCQ2305D |             |           | 7.3        | 7.5         | 7.4     |
| 7   | 2123050190 | Trần Hữu Nam          | 19/11/2005 | CCQ2305D |             |           | 5.3        | 6.0         | 5.7     |
| 8   | 2123050179 | Thạch Hoàng Linh      | 12/10/2004 | CCQ2305D |             |           | 7.8        | 8.5         | 8.2     |
| 9   | 2123050169 | Đặng Hoài Nam         | 22/08/2005 | CCQ2305D |             |           | 4.3        | 6.0         | 5.3     |
| 10  | 2123050141 | Vũ Xuân Nguyên        | 16/11/2005 | CCQ2305D |             |           | 6.3        | 6.5         | 6.4     |
| 11  | 2123050143 | Cao Lâm Triều Phát    | 19/01/2004 | CCQ2305D |             |           | 8.4        | 9.0         | 8.8     |
| 12  | 2123050147 | Phạm Huỳnh Phúc       | 18/02/2005 | CCQ2305D |             |           | 7.5        | 8.0         | 7.8     |
| 13  | 2123050158 | Quảng Đại Sang        | 19/10/2005 | CCQ2305D |             |           | 7.3        | 7.5         | 7.4     |
| 14  | 2123050157 | Trương Ngọc Thái      | 04/09/2005 | CCQ2305D |             |           | 6.1        | 6.5         | 6.3     |
| 15  | 2123050191 | Võ Triệu Thiên        | 01/05/2005 | CCQ2305D |             |           | 8.3        | 8.5         | 8.4     |
| 16  | 2123050187 | Phạm Công Tiến        | 20/04/2005 | CCQ2305D |             |           | 7.7        | 7.5         | 7.6     |
| 17  | 2123050164 | Nguyễn Lê Thành Trung | 19/06/2005 | CCQ2305D |             |           | 6.7        | 7.5         | 7.2     |
| 18  | 2123050148 | Bùi Đan Trường        | 13/04/2005 | CCQ2305D |             |           | 7.3        | 7.0         | 7.1     |
| 19  | 2123050159 | Châu Ngọc Tuy         | 05/01/2005 | CCQ2305D |             |           | 5.4        | 6.0         | 5.8     |
| 20  | 2123050154 | Lê Tiến Anh           | 03/07/2005 | CCQ2305D |             |           |            |             |         |
| 21  | 2123050156 | Trịnh Minh Vọng       | 07/02/2005 | CCQ2305D |             |           | 7.3        | 7.0         | 7.1     |